

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 31



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/6/2011 về việc tăng Vốn điều lệ.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng  
Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Paint Joint Stock Company  
Vốn điều lệ: 80.071.770.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh sơn các loại;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường.

Trụ sở chính: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Hương Lan	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Bà Bùi Kim Ngọc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mộng Lân	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Viện	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Viện**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, được lập ngày 31/3/2014, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue ink signature, likely belonging to Trương Văn Nghĩa, written in a cursive style.

---

**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014*

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1

100  
3  
ĐA  
TC  
NA  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>194.182.439.916</b>	<b>205.740.867.842</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>6.531.779.670</b>	<b>22.601.074.668</b>
1. Tiền	111		6.531.779.670	22.601.074.668
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>91.578.042.685</b>	<b>84.509.893.866</b>
1. Phải thu khách hàng	131		59.143.209.146	60.188.498.335
2. Trả trước cho người bán	132		6.849.359.227	2.963.670.843
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	39.109.951.813	31.870.690.341
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.524.477.501)	(10.512.965.653)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.3</b>	<b>94.556.779.568</b>	<b>95.778.825.061</b>
1. Hàng tồn kho	141		95.120.542.229	95.778.825.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(563.762.661)	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.515.837.993</b>	<b>2.851.074.247</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	761.697.140	1.609.367.142
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		375.990.501	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.5	378.150.352	1.241.707.105
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>156.127.382.270</b>	<b>137.406.191.613</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>70.012.996.927</b>	<b>63.671.185.921</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	65.631.221.646	62.122.505.363
- Nguyên giá	222		123.934.112.922	117.645.448.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.302.891.276)	(55.522.942.642)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.7	1.423.340.016	99.674.922
- Nguyên giá	228		2.386.779.780	1.003.757.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(963.439.764)	(904.082.358)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.8	2.958.435.265	1.449.005.636
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>84.161.381.283</b>	<b>72.075.188.455</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	6.9	74.776.229.507	49.025.336.679
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.10	12.785.151.776	26.449.851.776
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	6.10	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.953.004.060</b>	<b>1.659.817.238</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.11	1.953.004.060	1.656.033.971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	3.783.267
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>350.309.822.186</b>	<b>343.147.059.455</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>172.365.776.065</b>	<b>171.663.703.026</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>168.650.636.065</b>	<b>168.746.962.820</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.12	117.944.582.528	117.102.096.028
2. Phải trả người bán	312		38.422.257.998	34.473.291.303
3. Người mua trả tiền trước	313		726.154.271	1.357.560.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.13	2.973.671.921	3.244.618.284
5. Phải trả người lao động	315		2.722.085.059	2.668.626.935
6. Chi phí phải trả	316	6.14	3.112.175.878	2.484.464.333
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.15	2.740.834.151	7.411.219.862
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.874.259	5.086.005
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.715.140.000</b>	<b>2.916.740.206</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.16	3.715.140.000	2.916.740.206
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>166.596.331.488</b>	<b>160.923.772.293</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.17</b>	<b>166.596.331.488</b>	<b>158.643.772.293</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.071.770.000	80.071.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.787.152.766	10.787.152.766
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.250.586.886	7.250.586.886
4. Cổ phiếu quỹ	414		(467.410.000)	(467.410.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.580.090.113	24.580.090.113
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.000.305.727	4.600.305.727
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.373.835.996	31.821.276.801
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>2.280.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	2.280.000.000
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>11.347.714.633</b>	<b>10.559.584.137</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>350.309.822.186</b>	<b>343.147.059.455</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại (USD)		908	2.381

Người lập

  
 Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

  
 Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Văn Viện



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.18	377.043.941.340	376.572.734.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.18	977.578.188	725.664.935
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.18	376.066.363.152	375.847.069.562
4. Giá vốn hàng bán	11	6.19	276.330.829.022	274.561.291.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		99.735.534.130	101.285.777.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.20	2.435.729.340	5.274.855.088
7. Chi phí tài chính	22	6.21	10.281.684.533	17.325.627.693
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.666.582.331	17.056.534.368
8. Chi phí bán hàng	24	6.22	33.821.236.991	36.823.737.869
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.23	19.765.362.499	20.434.109.923
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		38.302.979.447	31.977.157.585
11. Thu nhập khác	31	6.24	807.653.215	7.713.182.512
12. Chi phí khác	32	6.24	1.233.670.336	8.168.261.305
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(426.017.121)	(455.078.793)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		(300.034.747)	1.710.880.014
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		37.576.927.579	33.232.958.806
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.25	8.565.331.689	4.771.651.254
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(3.783.267)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		29.011.595.890	28.465.090.818
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.100.093.980	744.189.115
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		27.911.501.910	27.720.901.703
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.26	3.506	3.482

Người lập



Đoàn Thị Dung

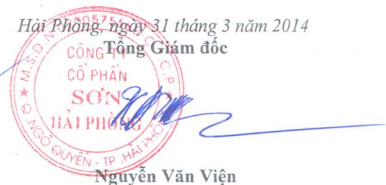
Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Viện

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.576.927.579	33.232.958.806
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.266.058.899	6.020.623.008
- Các khoản dự phòng	03		3.575.274.509	3.160.045.711
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		15.268.991	(1.170.855)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.127.729.394)	(11.509.257.198)
- Chi phí lãi vay	06		9.666.582.331	17.056.534.368
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.972.382.915	47.959.733.840
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.164.461.164)	13.561.569.108
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		658.282.832	13.579.986.197
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.570.468.579)	10.783.914.383
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		695.416.650	219.328.754
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.671.458.327)	(17.540.079.734)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.244.450.587)	(5.763.329.601)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		784.026.243	1.777.781.916
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.509.892.519)	(2.218.884.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.949.377.464	62.360.020.788
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.536.609.628)	(2.298.682.653)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.109.400.000)	(120.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.842.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		195.178.631	70.999.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.608.830.997)	(2.347.682.902)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		285.335.738.153	272.387.883.072
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(283.694.851.859)	(310.071.799.569)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.065.996.750)	(14.966.791.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.425.110.456)	(52.650.707.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.084.563.989)	7.361.630.104
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.601.074.668	15.239.939.693
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.268.991	(495.129)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.531.779.670	22.601.074.668

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

SƠN

HẢI PHÒNG

19 Đ. NGUYỄN QUÝN - TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Viện

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Công ty con.

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681( Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/6/2011 về việc tăng Vốn điều lệ.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng  
 Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Paint Joint Stock Company  
 Vốn điều lệ: 80.071.770.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

- o Sản xuất kinh doanh sơn các loại;
- o Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường.

Trụ sở chính: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Các Công ty con được hợp nhất**

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 3 ngày 24/6/2011 về việc thay đổi trụ sở chính Công ty. Tháng 8/2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 20.041.000.000 đồng lên 20.644.910.000 đồng. Hiện tại Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2  
 Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2  
 Vốn điều lệ: 20.644.910.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít, mực in...

Công ty được Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 ngày 19/6/2008. Theo đó:

Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Nhà máy Sơn tĩnh điện và sơn nước.  
 Mục tiêu và quy mô dự án: Sản xuất sơn công nghiệp với quy mô sơn bột tĩnh điện 1.000 tấn/năm; sơn nước là 5.000 tấn/năm.  
 Tổng vốn đầu tư: 30.350.000.000 VND  
 Thời gian thực hiện dự án: 50 năm

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2013.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1/5  
1/7  
:A  
:C  
N/  
1/7

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ - Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty từ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công cụ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tính giá thành gián tiếp.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Năm 2013**

Số năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05-08

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm Chi phí cấp chứng nhận ISO, phần mềm quản trị, quyền phát hành và Hệ thống quản lý môi trường.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp của tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Các khoản đầu tư tài chính khác**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm và chi phí để có quyền thuê đất và tiền mua công thức son năm 2014. Chi phí có quyền thuê đất tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng được phân bổ 36 năm. Tiền mua công thức son là khoản tiền trả trước từ tháng 01 đến tháng 4/2014.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm: Chi phí tiền bản quyền sử dụng công thức son, chi phí lãi vay và các chi phí khác. Đây là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Thuế (Tiếp theo)**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con:** Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 19/6/2008, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án Nhà máy Sơn tinh điện và Sơn nước như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 (bảy) năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm kể từ khi có dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2013 là năm thứ 05 (năm) Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

## 6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	292.856.190	282.976.212
Tiền gửi ngân hàng	6.238.923.480	22.318.098.456
<b>Tổng</b>	<b>6.531.779.670</b>	<b>22.601.074.668</b>

## 6.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu thuế TNCN	58.136.890	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	26.899.204	23.531.803
Các khoản phải thu khác	39.024.915.719	31.847.158.538
<i>Công ty Cổ phần bao bì VLC (cho vay)</i>	<i>1.284.829.976</i>	<i>1.330.785.888</i>
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (cho vay và khác)</i>	<i>27.411.977.500</i>	<i>14.799.623.925</i>
<i>Phải thu lãi liên doanh, liên kết</i>	<i>1.171.402.630</i>	<i>2.214.527.200</i>
<i>Tạm ứng cổ tức</i>	<i>6.111.451.405</i>	<i>7.059.808.655</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.045.254.208</i>	<i>6.442.412.870</i>
<b>Tổng</b>	<b>39.109.951.813</b>	<b>31.870.690.341</b>

## 6.3 Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.214.284.764	61.930.585.611
Công cụ, dụng cụ	2.821.132.082	2.313.016.245
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	716.070.667	1.216.426.519
Thành phẩm	36.323.754.457	30.273.496.427
Hàng gửi đi bán	45.300.259	45.300.259
<b>Tổng</b>	<b>95.120.542.229</b>	<b>95.778.825.061</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	563.762.661	-
<b>Tổng</b>	<b>94.556.779.568</b>	<b>95.778.825.061</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

## 6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.609.367.142	1.625.700.942
Tăng	5.605.500.786	5.445.523.932
Phân bổ vào chi phí trong năm	6.453.170.788	5.461.857.732
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>761.697.140</b>	<b>1.609.367.142</b>
	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Dàn quảng cáo	232.218.182	162.900.000
Mua bảo hiểm	257.968.943	197.172.360
Tôn trang thiếc	8.700.000	8.700.000
Chi phí đăng kiểm	116.090.000	184.130.000
Chi phí đào tạo Phòng cháy chữa cháy	13.981.199	-
Chi phí dự án đề tài HT quốc tế	-	779.753.965
Bảo trì phần mềm	-	10.000.000
Chi phí khác	132.738.816	266.710.817
<b>Tổng</b>	<b>761.697.140</b>	<b>1.609.367.142</b>

## 6.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	378.150.352	1.131.988.105
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	109.719.000
<b>Tổng</b>	<b>378.150.352</b>	<b>1.241.707.105</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.6 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	44.908.030.495	53.879.645.098	10.874.752.387	7.983.020.025	117.645.448.005
Tăng trong năm	10.063.145.896	75.000.000	-	278.149.133	10.416.295.029
Mua trong năm	102.900.000	75.000.000	-	135.285.497	313.185.497
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.960.245.896	-	-	142.863.636	10.103.109.532
Giảm trong năm	699.297.715	760.347.765	36.000.555	2.631.984.077	4.127.630.112
Thanh lý, nhượng bán	629.423.551	202.606.500	-	879.791.630	1.711.821.681
Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	69.874.164	557.741.265	36.000.555	1.660.549.247	2.324.165.231
Giảm khác	-	-	-	91.643.200	91.643.200
Số dư tại 31/12/2013	54.271.878.676	53.194.297.333	10.838.751.832	5.629.185.081	123.934.112.922
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	13.439.004.209	31.565.748.849	5.003.126.548	5.515.063.036	55.522.942.642
Tăng trong năm	1.673.638.287	3.220.258.791	863.918.193	433.886.222	6.191.701.493
Khấu hao trong năm	1.673.638.287	3.220.258.791	863.918.193	433.886.222	6.191.701.493
Giảm trong năm	441.413.635	558.026.084	31.909.353	2.380.403.787	3.411.752.859
Thanh lý, nhượng bán	410.148.146	202.606.500	-	869.848.718	1.482.603.364
Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	31.265.489	355.419.584	31.909.353	1.506.736.602	1.925.331.028
Giảm khác	-	-	-	3.818.467	3.818.467
Số dư tại 31/12/2013	14.671.228.861	34.227.981.556	5.835.135.388	3.568.545.471	58.302.891.276
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2013	31.469.026.286	22.313.896.249	5.871.625.839	2.467.956.989	62.122.505.363
Tại 31/12/2013	39.600.649.815	18.966.315.777	5.003.616.444	2.060.639.610	65.631.221.646
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay:					45.813.790.373
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					23.693.691.943

## 6.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền	Phần mềm	Hệ thống quản lý môi trường	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	419.561.542	141.812.000	184.015.238	258.368.500	1.003.757.280
Tăng trong năm	-	1.398.022.500	-	-	1.398.022.500
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.398.022.500	-	-	1.398.022.500
Giảm trong năm	-	15.000.000	-	-	15.000.000
Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	-	15.000.000	-	-	15.000.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>419.561.542</u>	<u>1.524.834.500</u>	<u>184.015.238</u>	<u>258.368.500</u>	<u>2.386.779.780</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	419.561.542	141.812.000	84.340.316	258.368.500	904.082.358
Tăng trong năm	-	43.688.202	30.669.204	-	74.357.406
Khấu hao trong năm	-	43.688.202	30.669.204	-	74.357.406
Giảm trong năm	-	15.000.000	-	-	15.000.000
Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	-	15.000.000	-	-	15.000.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>419.561.542</u>	<u>170.500.202</u>	<u>115.009.520</u>	<u>258.368.500</u>	<u>963.439.764</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2013	-	-	99.674.922	-	99.674.922
Tại 31/12/2013	-	<u>1.354.334.298</u>	<u>69.005.718</u>	-	<u>1.423.340.016</u>

## 6.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.449.005.636	739.901.925
Tăng	13.516.602.291	3.493.995.734
Giảm	12.007.172.662	2.784.892.023
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>11.501.132.032</i>	<i>2.619.286.940</i>
<i>Kết chuyển đầu tư liên doanh, liên kết</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>506.040.630</i>	<i>165.605.083</i>
<b>Số dư ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>2.958.435.265</u></b>	<b><u>1.449.005.636</u></b>
<b>Chi tiết theo công trình</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Phần mềm quản trị CAD	-	959.042.000
Cải tạo đường 208	-	250.000.000
Lắp đặt máy chủ theo HĐ05012012	-	86.363.636
Lắp đặt cầu thang máy 3 tầng	111.790.364	-
Lắp đặt nội thất nhà 3 tầng	320.000.000	-
Xây dựng dây truyền Alky	2.526.644.901	-
Máy chấm công	-	56.500.000
Nhà văn phòng 3 tầng An Đồng	-	97.100.000
<b>Tổng</b>	<b><u>2.958.435.265</u></b>	<b><u>1.449.005.636</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>6.760.910</b>	<b>74.776.229.507</b>	<b>3.999.700</b>	<b>49.025.336.679</b>
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	815.500	15.627.005.123	1.199.700	21.027.501.001
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	2.968.000	29.660.363.598	2.800.000	27.997.835.678
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	2.977.410	29.488.860.786	-	-
<b>Tổng</b>	<b>6.760.910</b>	<b>74.776.229.507</b>	<b>3.999.700</b>	<b>49.025.336.679</b>

Thuyết minh đầu tư Công ty liên kết, liên doanh

STT	Tên công ty liên kết	Ngành nghề	Vốn điều lệ (tr đồng)	% sở hữu theo thực tế 31/12/2013
1	Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Sản xuất các loại sơn	36.000	22,65%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Sản xuất sơn và các ngành nghề khác	87.420	33,95%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Kinh doanh bất động sản	73.250	40,65%

**6.10 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty TNHH VICO	606.627	6.066.272.000	606.627	6.066.272.000
Công ty Cổ phần SIVICO	151.358	1.243.579.776	124.358	1.243.579.776
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	-	-	1.422.000	14.220.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì VLC	207.530	2.075.300.000	152.000	1.520.000.000
Công ty CP Tôn mạ màu Việt Pháp	340.000	3.400.000.000	340.000	3.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.305.515</b>	<b>12.785.151.776</b>	<b>2.644.985</b>	<b>26.449.851.776</b>
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(340.000)	(3.400.000.000)	(340.000)	(3.400.000.000)
<b>Đầu tư dài hạn thuần</b>	<b>965.515</b>	<b>9.385.151.776</b>	<b>2.304.985</b>	<b>23.049.851.776</b>

## 6.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.656.033.971	1.859.028.925
Tăng	968.996.220	352.296.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	672.026.131	555.290.954
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.953.004.060</b>	<b>1.656.033.971</b>
<b>Chi tiết nội dung</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ	342.647.857	-
Quyền sử dụng Đất tại An Đông	225.670.203	249.298.371
Cải tạo nâng cấp đường An Đông	448.000.000	-
Tiền mua công thức son	936.686.000	1.406.735.600
<b>Tổng</b>	<b>1.953.004.060</b>	<b>1.656.033.971</b>

## 6.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>115.667.402.528</b>	<b>114.852.672.028</b>
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	-	411.561.280
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	69.604.060.472	67.854.455.743
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	32.188.346.978	18.874.229.912
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	6.261.200.200	7.541.847.500
Vay các cá nhân	7.613.794.878	20.170.577.593
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.277.180.000</b>	<b>2.249.424.000</b>
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	2.277.180.000	2.249.424.000
<b>Tổng</b>	<b>117.944.582.528</b>	<b>117.102.096.028</b>

## 6.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	235.300.925	1.076.175.182
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.927.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.289.284.317	1.968.403.215
Thuế thu nhập cá nhân	434.302.679	144.018.823
Các loại thuế khác	14.784.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	48.093.467
<b>Tổng</b>	<b>2.973.671.921</b>	<b>3.244.618.284</b>

6.14 Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	2.400.919.285	1.887.622.448
Chi phí lãi vay phải trả	170.315.499	175.191.495
Chi phí phải trả khác	210.000.000	114.745.145
Chi phí hoa hồng	276.968.849	252.933.000
Chi phí bảo hành công ty CP Sơn	53.972.245	53.972.245
Dầu khí VN		
<b>Tổng</b>	<b>3.112.175.878</b>	<b>2.484.464.333</b>

6.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	29.035.565	121.602.370
Bảo hiểm xã hội	47.591.980	113.961.535
Phải trả cổ phần hóa	351.930.365	351.930.365
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.276.241	4.623.725.592
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>12.276.241</i>	<i>4.623.725.592</i>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.300.000.000	2.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.740.834.151</b>	<b>7.411.219.862</b>

6.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	3.715.140.000	-
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	2.916.740.206
<b>Tổng</b>	<b>3.715.140.000</b>	<b>2.916.740.206</b>

*Theo các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:*

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng trung hạn, với mục đích vay: Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất sơn tàu biển, công trình biển và công nghiệp công suất 10.000 tấn/năm; thời hạn vay 60 tháng; Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng; lãi suất vay theo lãi suất Ngân hàng thông báo bằng văn bản từng thời điểm.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng số 168/GHTD/2013/1803 tháng 10/2013, với mục đích vay Đầu tư Dây chuyền sản xuất Nhựa ALKYD công suất 5.000 tấn/năm; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Hạn mức tín dụng 13.000.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo bằng văn bản từng thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN/HN

**6.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	163.423.366	24.230.090.113	4.400.305.727	20.749.015.491	147.184.934.349
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.320.088	350.000.000	200.000.000	27.720.901.703	28.272.221.791
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	350.000.000	200.000.000	-	550.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	27.720.901.703	27.720.901.703
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	-	-	1.320.088	-	-	-	1.320.088
Giảm trong năm	-	-	-	-	164.743.454	-	-	16.648.640.393	16.813.383.847
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	14.412.918.600	14.412.918.600
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	2.235.721.793	2.235.721.793
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	164.743.454	-	-	-	164.743.454
Số dư tại 31/12/2012	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	-	24.580.090.113	4.600.305.727	31.821.276.801	158.643.772.293
Số dư tại 01/01/2013	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	-	24.580.090.113	4.600.305.727	31.821.276.801	158.643.772.293
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	5.000.000.000	400.000.000	27.911.501.910	33.311.501.910
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	5.000.000.000	400.000.000	-	5.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	27.911.501.910	27.911.501.910
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	25.358.942.715	25.358.942.715
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16.061.095.000	16.061.095.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	9.297.847.715	9.297.847.715
Số dư tại 31/12/2013	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	-	29.580.090.113	5.000.305.727	34.373.835.996	166.596.331.488

6.17. **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.071.770.000	68.439.160.000
Vốn góp tăng trong năm	-	11.632.610.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.071.770.000	80.071.770.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>16.061.095.000</b>	<b>14.412.918.600</b>
<b>Lợi nhuận phân phối các quỹ</b>	<b>9.297.847.715</b>	<b>2.235.721.793</b>

**c. Cổ tức**

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Năm 2013

Chưa công bố, mới thông báo tạm ứng cổ tức 12%

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2013 Cổ phiếu	Năm 2012 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đầu năm</b>	<b>8.007.177</b>	<b>8.007.177</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký bán</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>46.741</b>	<b>46.741</b>
Cổ phiếu phổ thông	46.741	46.741
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.960.436</b>	<b>7.960.436</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.960.436	7.960.436
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu*

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		
Quỹ đầu tư phát triển	29.580.090.113	24.580.090.113
Quỹ dự phòng tài chính	5.000.305.727	4.600.305.727

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	377.043.941.340	376.397.018.320
Doanh thu khác	-	175.716.177
<b>Tổng</b>	<b>377.043.941.340</b>	<b>376.572.734.497</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	650.281.432	532.607.358
Hàng bán bị trả lại	327.296.756	193.057.577
<b>Tổng</b>	<b>977.578.188</b>	<b>725.664.935</b>
Doanh thu bán hàng	376.066.363.152	375.671.353.385
Doanh thu khác	-	175.716.177
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>376.066.363.152</b>	<b>375.847.069.562</b>

**6.19 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa	276.330.829.022	274.404.833.721
Giá vốn khác	-	156.457.859
<b>Tổng</b>	<b>276.330.829.022</b>	<b>274.561.291.580</b>

**6.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	195.178.631	70.999.751
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.161.769.080	4.087.486.830
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.465.490	328.360.751
Lãi từ khoản chi trả hộ	-	778.256.526
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.316.139	9.751.230
<b>Tổng</b>	<b>2.435.729.340</b>	<b>5.274.855.088</b>

**6.21 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	9.666.582.331	17.056.534.368
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	142.096.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	550.517.072	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	64.585.130	8.580.375
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	118.416.950
<b>Tổng</b>	<b>10.281.684.533</b>	<b>17.325.627.693</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.22 Chi phí bán hàng**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	6.316.218.522	7.059.874.565
Chi phí nguyên vật liệu	103.741.728	27.439.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.847.446	326.293.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.485.221.416	22.777.069.746
Chi phí khác bằng tiền	6.754.912.879	6.653.060.599
<b>Tổng</b>	<b>33.821.236.991</b>	<b>36.823.737.869</b>

**6.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	9.275.181.567	10.473.653.067
Chi phí nguyên vật liệu	445.088.781	188.770.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	660.670.495	705.479.857
Thuế phí lệ phí	485.741.281	418.684.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	947.661.484	860.620.442
Chi phí khác bằng tiền	4.939.507.043	3.623.835.926
Chi phí dự phòng	3.011.511.848	4.163.065.464
<b>Tổng</b>	<b>19.765.362.499</b>	<b>20.434.109.923</b>

**6.24 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu bán phế liệu	-	93.737.000
Thu chênh lệch kiểm kê	23.626.972	214.581.289
Thu thanh lý tài sản	-	6.572.514.091
Thu đề tài Sơn Coil	659.601.600	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	136.696.327
Thu nhập khác	124.424.643	695.653.805
<b>Tổng</b>	<b>807.653.215</b>	<b>7.713.182.512</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản	229.218.317	6.458.954.660
Truy thu thuế năm 2011, 2012	286.648.793	894.886.325
Chi phí đề tài Sơn Coil	704.137.726	-
Chi phí khác	13.665.500	814.420.320
<b>Tổng</b>	<b>1.233.670.336</b>	<b>8.168.261.305</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>(426.017.121)</b>	<b>(455.078.793)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN/HN

**6.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	37.576.927.579	33.232.958.806
+ Các khoản điều chỉnh tăng	286.648.793	894.886.325
+ Các khoản điều chỉnh giảm	2.161.769.080	4.087.486.830
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>2.161.769.080</i>	<i>4.087.486.830</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>35.701.807.292</b>	<b>30.040.358.301</b>
Thu nhập chịu thuế suất 25%	33.618.797.692	26.804.564.552
Thu nhập chịu thuế suất 15% và thuế suất 10%)	2.383.044.347	1.540.046.801
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.729.359.141	6.932.148.158
Ưu đãi 30% thuế TNDN của năm 2011, 2012	-	2.044.993.394
Thuế thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy sơn được giảm	164.027.452	-
Thuế thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy sơn được miễn	-	115.503.510
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.565.331.689</b>	<b>4.771.651.254</b>

**6.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013	Năm 2012
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	29.011.595.890	28.465.090.818
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.100.093.980	744.189.115
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.911.501.910	27.720.901.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.960.436	7.960.436
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.506</b>	<b>3.482</b>

**6.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	176.509.439.760	213.854.189.866
Chi phí nhân công	28.062.197.909	29.677.725.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.699.505.151	6.020.623.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.294.408.600	26.897.677.750
Chi phí khác bằng tiền	14.014.683.476	13.065.104.341
Chi phí dự phòng	6.747.433.782	3.474.513.678
<b>Tổng</b>	<b>257.327.668.678</b>	<b>292.989.834.300</b>

## 7. THÔNG TIN KHÁC

## 7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

## Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013 VND</u>	<u>Năm 2012 VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và Thù lao	2.024.672.635	2.333.824.919

## Số dư với các bên liên quan

<u>Số dư các bên liên quan</u>	<u>31/12/2013 VND</u>	<u>01/01/2013 VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	15.758.779.351	17.522.920.957
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Sivico	270.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Vico	849.278.080	606.627.200
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	1.467.900.000
Công ty Cổ phần Bao bi VLC	1.284.829.976	1.330.785.888
Công ty cổ phần Tập đoàn VLC	250.000.000	-
Công ty CP Sơn và Bất động sản Á Châu	27.411.977.500	14.799.623.925
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Sivico	-	234.982.000

## Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013 VND</u>	<u>Năm 2012 VND</u>
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>32.943.442.637</b>	<b>19.055.925.367</b>
Công ty Cổ phần Sivico	Bán hàng hóa	7.493.606.020	222.002.490
Công ty TNHH Vico	Bán hàng hóa	-	12.612.300.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	25.449.836.617	6.213.678.987
Công ty Cổ phần Bao bi VLC	Bán hàng hóa	-	7.943.890
Công ty Cổ phần Bao bi VLC	Dịch vụ khác	-	6.415.000.000
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>6.778.514.000</b>	<b>21.889.025.900</b>
Công ty TNHH Vico		-	11.350.300.000
Công ty Cổ phần Sivico		6.778.514.000	213.620.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		-	10.325.105.900
<b>Chia lãi Công ty con, liên doanh</b>		<b>1.119.278.080</b>	<b>3.512.714.400</b>
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2		-	-
Công ty Cổ phần Sivico		270.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Vico		849.278.080	1.213.254.400
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		-	2.159.460.000

**7.2 Công cụ tài chính**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	6.531.779.670	22.601.074.668
Phải thu khách hàng (ngắn + dài hạn)	59.143.209.146	60.188.498.335
Phải thu khác (ngắn + dài hạn)	39.109.951.813	31.870.690.341
<b>Tổng</b>	<b>104.784.940.629</b>	<b>114.660.263.344</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay nợ (ngắn + dài hạn)	121.659.722.528	120.018.836.234
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	38.422.257.998	34.473.291.303
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	2.740.834.151	7.411.219.862
Chi phí phải trả	3.112.175.878	2.484.464.333
<b>Tổng</b>	<b>165.934.990.555</b>	<b>164.387.811.732</b>

Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, do vậy Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Công nợ</b> <b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>Tài sản</b> <b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
<b>Đô la Mỹ (USD)</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	19.271.111
Phải trả người bán	16.781.911.788	-
<b>Tổng</b>	<b>16.781.911.788</b>	<b>19.271.111</b>

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty quản lý tốt các các rủi ro liên quan đến lãi suất bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <b>Tổng</b>
Phải trả khách hàng	38.422.257.998	-	38.422.257.998
Các khoản phải trả	2.740.834.151	-	2.740.834.151
Các khoản vay	117.944.582.528	3.715.140.000	121.659.722.528
<b>01/01/2013</b>			
Phải trả khách hàng	34.473.291.303	-	34.473.291.303
Các khoản phải trả	7.411.219.862	-	7.411.219.862
Các khoản vay	117.102.096.028	2.916.740.206	120.018.836.234

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết các tài sản tài chính theo thời gian đến hạn trên cơ sở đến hạn hợp đồng của các tài sản tài chính( bao gồm cả lãi từ tài sản đó, nếu có). Việc trình bày các thông tin này là cần thiết để hiểu được việc quản lý các rủi ro thanh toán của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể kiểm soát được các tài sản tài chính.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải thu khách hàng	59.143.209.146	-	59.143.209.146
Phải thu khác	39.109.951.813	-	39.109.951.813
Tài sản ngắn hạn khác	378.150.352	-	378.150.352
<b>01/01/2013</b>			
Phải thu khách hàng	60.188.498.335	-	60.188.498.335
Phải thu khác	31.870.690.341	-	31.870.690.341
Tài sản ngắn hạn khác	1.241.707.105	-	1.241.707.105

**7.3 Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập



Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Viện